

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152, Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Tel: (84-4) 3474548 Fax: (84-4) 3474549

MỤC LỤC	TRANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	01 - 02
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	03
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	04
BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU	05
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	06 - 18

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	31/12/2013
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		419,076,915,314	515,989,023,025
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	4,764,103,463	48,020,519,522
1 Tiền	111		4,764,103,463	46,518,875,228
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	1,501,644,294
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		72,000,000,000	72,150,000,000
1 Đầu tư ngắn hạn	121		72,000,000,000	72,150,000,000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		214,417,705,581	270,961,836,034
1 Phải thu của khách hàng	131		46,190,614,658	121,314,492,881
2 Trả trước cho người bán	132		14,288,177,003	18,761,875,757
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		163,033,513,619	139,135,555,457
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	5,728,392,874	5,482,788,692
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(14,822,992,573)	(13,732,876,753)
IV Hàng tồn kho	140	V.3.	82,033,940,479	119,719,848,493
1 Hàng tồn kho	141		83,225,230,488	120,988,823,695
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1,191,290,009)	(1,268,975,202)
V Tài sản ngắn hạn khác	150		45,861,165,791	5,136,818,976
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,209,709,571	209,322,667
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	943,157,682	275,969,354
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		42,708,298,538	4,651,526,955
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		129,083,539,803	133,556,318,129
I Các khoản phải thu dài hạn	210		59,839,242	403,129,000
4 Phải thu dài hạn khác	218		59,839,242	403,129,000
II Tài sản cố định	220		41,188,971,131	43,653,297,214
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	36,801,082,760	38,895,260,767
- Nguyên giá	222		63,789,920,719	63,754,050,719
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26,988,837,959)	(24,858,789,952)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.5.	4,387,888,371	4,758,036,447
- Nguyên giá	228		7,445,612,093	7,445,612,093
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,057,723,722)	(2,687,575,646)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	-	-
III Bất động sản đầu tư	240	V.8.	22,038,605,870	19,877,994,578
- Nguyên giá	241		24,789,857,165	24,789,857,165
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(2,751,251,295)	(4,911,862,587)
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		64,480,683,637	67,800,651,706
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		16,236,726,359	19,556,694,428
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.9.	49,767,090,000	49,767,090,000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(1,523,132,722)	(1,523,132,722)
V Tài sản dài hạn khác	260		1,315,439,923	1,821,245,631
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	1,298,944,020	1,804,749,728
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16.	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		16,495,903	16,495,903
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		548,160,455,117	649,545,341,154

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	31/12/2013
A NỢ PHẢI TRẢ	300		180,245,781,890	274,501,318,566
I Nợ ngắn hạn	310		158,879,211,905	252,267,604,342
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11.	35,854,980,172	52,499,955,979
2 Phải trả người bán	312		24,457,060,793	36,367,431,082
3 Người mua trả tiền trước	313		13,539,117,719	71,805,848,352
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12.	800,289,605	4,325,272,984
5 Phải trả người lao động	315		1,621,825,961	2,427,499,727
6 Chi phí phải trả	316	V.13.	2,673,435,775	3,718,138,600
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14.	79,932,501,880	81,123,457,618
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		-	-
II Nợ dài hạn	330		21,366,569,985	22,233,714,224
3 Phải trả dài hạn khác	333	V.15.	705,000,000	746,499,164
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		482,449,474	612,262,807
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		20,179,120,511	20,874,952,253
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		367,914,673,227	375,044,022,588
I Vốn chủ sở hữu	410	V.19	367,914,673,227	375,044,022,588
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		225,590,300,000	225,590,300,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		136,237,470,000	136,237,470,000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414		(19,010,756,592)	(19,010,756,592)
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		12,788,285,298	12,788,285,298
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		6,840,705,686	6,840,705,686
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5,468,668,835	12,598,018,196
III Lợi ích cổ đông thiểu số			-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		548,160,455,117	649,545,341,154

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

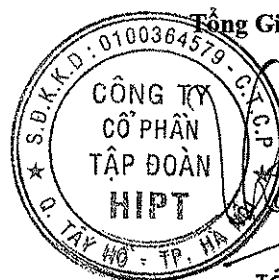
Nguyễn Hải Yến

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Trần Hiền

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Việt Giang



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 01/01/2014 đến 30/06/2014

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2014	Quý II/2013	01/01/2014 đến 30/06/2014	01/01/2013 đến 30/06/2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18.	138,831,417,203	208,254,116,783	172,060,891,923	252,737,872,719
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		138,831,417,203	208,254,116,783	172,060,891,923	252,737,872,719
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.19.	(117,489,235,086)	(172,518,257,027)	(141,761,248,944)	(203,844,322,393)
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21,342,182,117	35,735,859,756	30,299,642,979	48,893,550,326
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20.	104,325,577	132,679,280	685,240,167	5,119,399,790
7 Chi phí tài chính	22	VI.21.	(894,686,586)	(6,824,463,383)	(1,680,546,493)	(6,972,294,526)
8 Chi phí bán hàng	24		(7,126,145,193)	(4,982,949,429)	(18,271,719,528)	(19,846,685,622)
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(7,163,238,152)	(12,689,520,142)	(15,840,364,233)	(23,526,090,178)
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,262,437,763	11,371,606,082	(4,807,747,108)	3,667,879,790
11 Thu nhập khác	31	VI.22.	468,173,974	1,379,858,472	1,786,019,855	1,912,114,858
12 Chi phí khác	32	VI.23.	(4,163,733)	(3,992,999)	(77,870,118)	(501,738,802)
13 Lợi nhuận khác	40		464,010,241	1,375,865,473	1,708,149,737	1,410,376,056
Lợi nhuận/lỗ được chia từ công ty liên kết			(3,265,368,069)	179,400,436	(3,265,368,069)	179,400,436
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,461,079,935	12,926,871,991	(6,364,965,440)	5,257,656,282
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.24.	(764,383,921)	(1,504,427,501)	(764,383,921)	(1,504,427,501)
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.24.	0	(770,698,506)	-	(770,698,506)
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2,696,696,014	10,651,745,984	(7,129,349,361)	2,982,530,275
Phân bổ cho:			0	0	(330)	138
Cổ đông thiểu số			0	0	-	-
Chủ sở hữu Công ty			2,696,696,014	10,651,745,984	(7,129,349,361)	2,982,530,275
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.25.		125	476	(330)	138

Lập biểu

Nguyễn Hải Yến

Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng

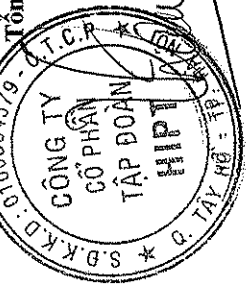
Nguyễn Trần Hiền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Trần Hiền

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT
 Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Việt Giang

34579
 T. AN
 AN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		01/01/2014 đến 30/06/2014	01/01/2013 đến 30/06/2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	(6,364,965,440)	5,257,656,282
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	2	2,551,793,311	3,325,219,787
- Các khoản dự phòng	3	1,090,115,820	9,377,006,641
- Lỗ chênh lệch TGHD chưa thực hiện	4	0	289,101,414
- Lãi thanh lý khoản đầu tư	5	0	(3,780,000,000)
- Hoàn nhập PB LK BĐS đầu tư	5	(2,212,208,520)	0
- Thu nhập tiền lãi và cổ tức	5	(610,074,644)	(1,332,925,890)
- Chi phí lãi vay	6	1,536,288,673	1,161,519,547
- Lỗ/(LN) thuần từ khoản đầu tư vào CT liên kết	7	3,265,368,069	(179,400,436)
3. Lợi nhuận từ hoạt động HKKD trước thay đổi vốn lưu động	8	(743,682,731)	14,118,177,345
- Tăng, giảm các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	9	15,222,957,576	(129,891,472,814)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	37,556,094,681	(68,007,926,740)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(76,749,303,963)	11,608,823,982
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	505,805,708	469,703,083
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1,536,288,673)	(1,161,519,547)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1,495,827,494)	(1,913,517,923)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	0	0
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(27,240,244,896)	(174,777,732,614)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(35,870,000)	(2,715,916,047)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	0	0
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	(21,000,000,000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	0	18,395,000,000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	664,674,644	1,576,167,594
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	628,804,644	(3,744,748,453)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0	0
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	65,917,951,572	117,594,655,459
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(82,562,927,379)	(13,965,640,396)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(16,644,975,807)	103,629,015,063
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(43,256,416,059)	(74,893,466,004)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	48,020,519,522	114,701,287,051
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4,764,103,463	39,807,821,047

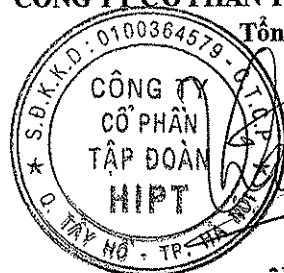
Lập biểu

Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Trần Hiền

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2014
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Việt Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152, Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
Tel: (84-4) 3474548 Fax: (84-4) 3474549

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu số B 09 - DN/HN

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT
01/01/2014 đến 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2013	225,590,300,000	136,237,470,000	(19,010,756,592)	12,788,285,298	6,840,705,686	11,014,417,103	373,460,421,495
Phát hành cổ phiếu							-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực							-
Mua lại cổ phiếu							-
Lợi nhuận thuần trong năm						1,583,601,093	1,583,601,093
Trích lập các quỹ							-
Cổ tức							-
Sử dụng các quỹ							-
Giảm khác							-
Số dư ngày 31/12/2013	225,590,300,000	136,237,470,000	(19,010,756,592)	12,788,285,298	6,840,705,686	12,598,018,196	375,044,022,588
Tăng vốn trong kỳ							-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá							-
Trích lập các quỹ							-
Lãi (lỗ) trong kỳ						(7,129,349,361)	(7,129,349,361)
Mua lại cổ phiếu							-
Giảm vốn trong kỳ							-
Cổ tức							-
Tăng khác							-
Số dư ngày 30/06/2014	225,590,300,000	136,237,470,000	(19,010,756,592)	12,788,285,298	6,840,705,686	5,468,668,835	367,914,673,227

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**01/01/2014 đến 30/06/2014****I. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT ("Công ty") là một Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 bao gồm Công ty và các Công ty con của Công ty (sau đây gọi chung là Tập đoàn) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh. Các hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan tới công nghệ thông tin ("CNTT") như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT; bảo dưỡng và bảo trì CNTT và hệ thống CNTT; cung cấp điện thoại di động.

II. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính*****Cơ sở kế toán chung***

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể được thực hiện tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của Công ty con được gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc của sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ sau đó trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.'

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn mà là cho mục đích đầu tư hay mục đích khác.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh, bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị có thể thực hiện được ước tính trên giá bán của hàng tồn kho trừ đi các chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**01/01/2014 đến 30/06/2014****4. Tài sản cố định****4.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	5-10 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-6 năm

4.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là quyền sử dụng đất có thời hạn, thương hiệu và phần mềm máy vi tính

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tập đoàn áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao
Quyền sử dụng đất	25 năm
Thương hiệu	3-6 năm
Phần mềm máy vi tính	3-6 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**01/01/2014 đến 30/06/2014****5. Bất động sản đầu tư**

Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động hiện tại cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí.

Khấu hao bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của bất động sản đầu tư. Thời gian sử dụng ước tính như sau:

	Thời gian khấu hao
Quyền sử dụng đất	20 năm
Nhà cửa	25 năm

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm cổ phiếu, các khoản cho vay có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày mua hoặc cho vay.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

7. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của các tài sản thuần của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

8. Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận, nếu do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

9. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng bán hàng bị trả lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**01/01/2014 đến 30/06/2014**

Doanh thu cung cấp dịch vụ tích hợp hệ thống, phát triển phần mềm ứng dụng, bảo hành, bảo trì, cho thuê, được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc dựa trên tiến độ thực tế, thời gian làm việc hay các chi phí phát sinh, căn cứ vào phương pháp phù hợp cho mỗi loại hợp đồng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

10. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

13. Vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

15. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
01/01/2014 đến 30/06/2014

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập để bảo vệ Tập đoàn trước các rủi ro tài chính

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập để phục vụ cho mục đích chi trả các phúc lợi cho người lao động

16. Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	1,216,381,731	1,475,178,855
Tiền gửi ngân hàng	3,547,721,732	45,043,696,373
Các khoản tương đương tiền	-	1,501,644,294
Tổng cộng	4,764,103,463	48,020,519,522
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Cho cá nhân vay	1,460,411,605	1,703,849,580
Phải thu cán bộ công nhân viên	-	-
Phải thu khác	4,267,981,269	3,778,939,112
Phải thu BHXH, BHYT	-	-
Phải thu khác (đơn nợ TK 3388)	-	-
Tổng cộng	5,728,392,874	5,482,788,692
3. Hàng tồn kho	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	43,929,031,033	28,821,783,009
Hàng hoá	37,238,431,968	90,748,251,549
Hàng gửi đi bán	2,057,767,487	1,418,789,137
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1,191,290,009)	(1,268,975,202)
Tổng cộng	82,033,940,479	119,719,848,493

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

01/01/2014 đến 30/06/2014

4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	30/06/2014		31/12/2013	
	VND		VND	
Thuế GTGT đầu ra	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	358,144,847		275,969,354	
Thuế thu nhập cá nhân	579,012,825		-	
Các loại thuế khác	6,000,010		-	
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-		-	
Tổng cộng	943,157,682		275,969,354	

5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng			
	Thương hiệu	đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2014	588,000,000	3,926,442,619	2,931,169,474	7,445,612,093
Tăng trong kỳ				-
Thanh lý, nhượng bán				-
Số dư ngày 30/06/2014	588,000,000	3,926,442,619	2,931,169,474	7,445,612,093
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2014	544,982,408	1,413,519,347	729,073,891	2,687,575,646
Khấu hao trong kỳ		78,528,852	291,619,224	370,148,076
Chuyển sang BĐS đầu tư				-
Thanh lý, nhượng bán				-
Giảm khác				-
Số dư ngày 30/06/2014	544,982,408	1,492,048,199	1,020,693,115	3,057,723,722
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2014	43,017,592	2,512,923,272	2,202,095,583	4,758,036,447
Tại ngày 30/06/2014	43,017,592	2,434,394,420	1,910,476,359	4,387,888,371

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT
 Địa chỉ: 152, Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
 Tel: (84-4) 3474548 Fax: (84-4) 3474549

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 01/01/2014 đến 30/06/2014

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
						Cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2014	40,849,504,796	4,121,532,813	541,647,342	18,241,365,768	63,754,050,719	
Mua trong kỳ				35,870,000	35,870,000	
Đầu tư XD CB hoàn thành					-	
Tặng khác					-	
Chuyển sang BĐS đầu tư					-	
Thanh lý, nhượng bán					-	
Giảm khác					-	
Số dư ngày 30/06/2014	40,849,504,796	4,121,532,813	541,647,342	18,277,235,768	63,789,920,719	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2014	7,248,698,082	4,121,532,813	308,664,414	13,179,894,643	24,858,789,952	
Khấu hao trong kỳ	1,021,382,670		24,524,520	1,084,140,817	2,130,048,007	
Chuyển sang BĐS đầu tư					-	
Thanh lý, nhượng bán					-	
Giảm khác					-	
Số dư ngày 30/06/2014	8,270,080,752	4,121,532,813	333,188,934	14,264,035,460	26,988,837,959	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2014	33,600,806,714	-	232,982,928	5,061,471,125	38,895,260,767	
Tại ngày 30/06/2014	32,579,424,044	-	208,458,408	4,013,200,308	36,801,082,760	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
01/01/2014 đến 30/06/2014

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Công trình 152 Thụy Khuê	-	-
Khác	-	-
Tổng cộng	-	-

8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2014	22,122,085,200	2,667,771,965	24,789,857,165
Tăng trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2014	22,122,085,200	2,667,771,965	24,789,857,165
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2014	4,424,417,040	487,445,547	4,911,862,587
Khấu hao trong kỳ		51,597,228	51,597,228
Hoàn nhập	(2,212,208,520)	-	-
Số dư ngày 30/06/2014	2,212,208,520	539,042,775	2,751,251,295
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2014	17,697,668,160	2,180,326,418	19,877,994,578
Tại ngày 30/06/2014	19,909,876,680	2,128,729,190	22,038,605,870

9. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư cổ phiếu	37,712,500,000	37,712,500,000
Đầu tư trái phiếu	-	-
Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
Cho vay dài hạn	-	-
Đầu tư dài hạn khác	12,054,590,000	12,054,590,000
Tổng cộng	49,767,090,000	49,767,090,000

10. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Đồ dùng văn phòng	1,298,944,020	1,804,749,728
Chi phí sửa chữa tài sản	-	-
Chi phí phân bổ khác	-	-
Tổng cộng	1,298,944,020	1,804,749,728

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

01/01/2014 đến 30/06/2014

11. Vay và nợ ngắn hạn	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn VND	35,854,980,172	52,499,955,979
Tổng cộng	35,854,980,172	52,499,955,979
12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	8,773,677	2,721,660,657
Thuế thu nhập doanh nghiệp	764,383,921	1,502,342,315
Thuế thu nhập cá nhân	25,382,455	101,270,012
Các loại thuế khác	1,749,552	-
Tổng cộng	800,289,605	4,325,272,984
13. Chi phí phải trả	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trích trước giá vốn	2,673,435,775	3,718,138,600
Tổng cộng	2,673,435,775	3,718,138,600
14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2013	30/06/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	321,022,788	-
Bảo hiểm xã hội	130,774,479	-
Bảo hiểm y tế	229,668,027	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	75,875,077,022	78,468,034,689
Bảo hiểm thất nghiệp	124,381,172	-
Doanh thu chưa thực hiện	3,251,578,392	2,655,422,929
Tổng cộng	79,932,501,880	81,123,457,618
15. Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Xây dựng khu nhà thấp tầng 152 Thụy Khuê	205,000,000	246,499,164
Nguồn vốn đầu tư ủy thác	500,000,000	500,000,000
Tổng cộng	705,000,000	746,499,164

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

01/01/2014 đến 30/06/2014

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi		
Giá trị lỗ của khoản thuế mang sang		
Các khoản mục khác		
Tổng cộng	-	-

17. Số lượng cổ phiếu lưu hành

	30/06/2014	31/12/2013
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22,559,030	22,559,030
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22,559,030	22,559,030
- Cổ phiếu phổ thông	22,559,030	22,559,030
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	985,047	985,047
- Cổ phiếu phổ thông	985,047	985,047
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21,573,983	21,573,983
- Cổ phiếu phổ thông	21,573,983	21,573,983
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông nhận được cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	01/01/2014 đến 30/06/2014	01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Tổng doanh thu		
Bán hàng	88,092,326,266	195,483,322,270
Cung cấp dịch vụ	82,877,379,048	55,202,039,999
Cho thuê bất động sản đầu tư	1,091,186,609	2,052,510,450
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu thuần	172,060,891,923	252,737,872,719

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

01/01/2014 đến 30/06/2014

19. Giá vốn hàng bán	01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Hàng hóa đã bán	103,102,937,750	160,109,349,654
Dịch vụ đã cung ứng	38,051,985,196	43,128,669,241
Bất động sản đầu tư cho thuê	606,325,998	606,303,498
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Tổng cộng	141,761,248,944	203,844,322,393
20. Doanh thu hoạt động tài chính	01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Cổ tức lợi nhuận được chia	(2,105,953,797)	60,000,000
Lãi tiền gửi	180,081,244	1,272,925,890
Lãi cho vay	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2,611,112,720	6,473,900
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3,780,000,000
Tổng cộng	685,240,167	5,119,399,790
21. Chi phí tài chính	01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền vay	1,536,288,673	1,161,519,547
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	123,031,535	654,528,169
Chi phí tài chính khác	21,226,285	-
Tổng cộng	1,680,546,493	6,972,294,526
22. Thu nhập khác	01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Thanh lý nhượng bán TSCĐ	6,073,283	-
Được thưởng, được bồi thường	904,373,024	1,850,839,028
Thu nhập khác	875,573,548	61,275,830
Tổng cộng	1,786,019,855	1,912,114,858

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

01/01/2014 đến 30/06/2014

23. Chi phí khác	01/01/2014 đến 30/06/2014	01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	-
Chi phí bồi thường hợp đồng	3,902,727	3,721,542
Chi phí khác	73,967,391	498,017,260
	77,870,118	501,738,802
24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	01/01/2014 đến 30/06/2014	01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	764,383,921	1,504,427,501
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	-	770,698,506
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	764,383,921	2,275,126,007
25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	01/01/2014 đến 30/06/2014	01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông		
Lợi nhuận thuần trong năm	(7,129,349,361)	2,982,530,275
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	21,573,983	21,573,983
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(330)	138
VIII. Những thông tin khác		
1. Thông tin về các bên liên quan		
1.1 Đầu tư vào Công ty con		
	01/01/2014 đến 30/06/2014	01/01/2013 đến 30/06/2013
	% sở hữu	% sở hữu
Công ty TNHH Tư vấn và Giải pháp CNTT HIPT	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tin học HIPT	100%	100%
Công ty TNHH Giải pháp ngân hàng và tài chính HIPT	100%	100%
Công ty TNHH Dịch vụ đầu tư HIPT	100%	100%
Công ty TNHH Hệ thống dịch vụ Công nghệ HIPT	100%	100%
Công ty Cổ phần phát triển nguồn nhân lực chân trời mới Hà Nội	78%	78%
Trường trung cấp nghề kỹ nghệ thực hành HIPT	100%	100%
Công ty TNHH HIPT Sài Gòn	100%	100%
Công ty CP Năng lượng công nghệ cao	55%	55%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

01/01/2014 đến 30/06/2014

1.2 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	01/01/2014 đến 30/06/2014	01/01/2013 đến 30/06/2013
	% sở hữu	% sở hữu
Thời báo doanh nhân	50%	50%
Công ty TNHH Giải pháp HIMC	32%	32%
Công ty Cổ phần đội công nghệ 3d Hà Nội	25%	25%
Công ty Cổ phần dịch vụ kỹ nghệ làng không việt	35%	35%
Công ty Cổ phần tin học viễn thông làng không	20%	20%
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Lam Hồng	26%	26%
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	20%	20%

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2014

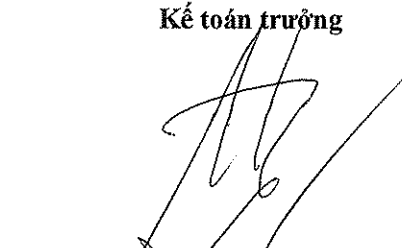
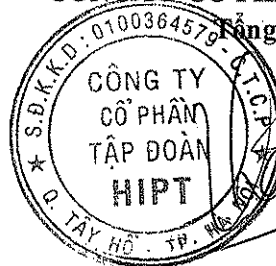
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Lập biểu

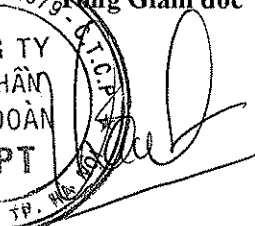
Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Yến


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Trần Hiền

Tổng Giám đốc


TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Việt Giang